

Vietnam Daily Review

Duy trì trạng thái tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/2/2021		•	
Tuần 15/2-19/2/2021		•	
Tháng 2/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex dù đã có những phút đầu giảm nhẹ nhưng sau đó đã tăng điểm trở lại và hiện đang ở sát ngưỡng 1175. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức cao với 16/19 nhóm ngành tăng điểm. Ngoài ra, khối ngoại tiếp tục mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Bên cạnh đó, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể dao động trong khu vực 1160-1180 trong phiên cuối cùng của tuần giao dịch.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2102, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/02/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: SSI_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+18.6** điểm, đóng cửa **1174.38**. HNX-Index **+0.39** điểm, đóng cửa **230.96**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.99)**; **SAB (+1.99)**; **GVR (+1.97)**; **VHM (+1.95)**; **VIC (+1.81)**.
- Kéo chỉ số giảm: **ACB (-0.14)**; **BHN (-0.1)**; **VIB (-0.09)**; **STB (-0.07)**; **FLC (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,991** tỷ đồng, **+29.71%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,130 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 25.72 điểm. Thị trường có **277** mã tăng, 55 mã tham chiếu và **166** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **616.18** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (219.5 tỷ)**, **FUEVFN (112.3 tỷ)** và **VHM (109.1 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-28.64** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	1174.38
Giá trị: 13991.19 tỷ	18.6 (1.61%)
Khối ngoại (ròng): 616.18 tỷ	

HNX-INDEX	230.96
Giá trị: 1303.3 tỷ	0.39 (0.17%)
Khối ngoại (ròng): -28.64 tỷ	

UPCOM-INDEX	75.35
Giá trị: 919.9 tỷ	-0.39 (-0.51%)
Khối ngoại (ròng): -2.05 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	61.7	0.95%
Giá vàng	1,783	0.37%
Tỷ giá USD/VND	23,010	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,740	0.10%
Tỷ giá JPY/VND	21,759	0.09%
LS liên NH 1 tháng	1.8%	-1.15%
LS TPCP 5 năm	1.0%	-6.82%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	219.5	SSI	-28.2
FUEVFN	112.3	CTG	-26.9
VHM	109.1	NVL	-25.8
VRE	67.0	STB	-25.4
VCB	56.1	HSG	-22.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 18/2

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	61.84	1.14%	5.40%	18.00%	16.92%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	65.20	1.34%	6.60%	16.80%	23.79%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	183.72	1.47%	11.10%	20.30%	22.79%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1779.16	0.17%	-2.50%	-3.30%	11.94%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.29	-0.33%	1.10%	8.20%	63.09%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1387.00	0.16%	2.60%	-2.00%	50.64%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	646.25	-0.27%	0.80%	-4.50%	10.80%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.48	-0.24%	1.20%	-13.40%	-3.12%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	246.67	0.52%	6.20%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.11	1.19%	2.20%	2.50%	11.72%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	127.40	0.95%	1.90%	-1.50%	6.57%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	8390.00	-0.18%	1.10%	5.20%	45.41%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	700.31	3.12%	7.50%	5.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	735.02	3.35%	9.00%	7.20%			
Nhôm	USD/ton	2115.00	1.37%	1.70%	7.30%	22.97%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	174.65	6.71%	17.30%	9.20%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	77.40	-3.31%	-7.20%	-10.40%	11.13%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 17/2, dầu thô Brent tăng 99 US cent tương đương 1.6% lên 64.34 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.09 USD/thùng tương đương 1.8% lên 61.14 USD/thùng. Cả hai loại dầu đều đạt mức cao nhất kể từ tháng 1/2020.
- Giá dầu được hỗ trợ bởi OPEC+ hạn chế nguồn cung, Saudi Arabia cắt giảm bổ sung sản lượng và kỳ vọng nhu cầu dầu sẽ hồi phục bởi vắc xin Covid-19. Thời tiết lạnh giá lịch sử tại bang Texas vào cuối tuần, nơi cung cấp phần lớn dầu thô của Mỹ và là một phần của trung tâm lọc dầu chính của Mỹ đã thúc đẩy giá dầu tăng cao. John Kilduff, đối tác thuộc Again Capital tại New York cho biết, có ít nhất 1/5 sản lượng lọc dầu của Mỹ bị gián đoạn làm ảnh hưởng đến nhu cầu dầu thô, đồng thời sản lượng giảm.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 1.2% xuống 1,773.72 USD/ounce – thấp nhất kể từ ngày 30/11/2020 (1,768.6 USD/ounce) và vàng kỳ hạn tháng 4/2021 trên sàn New York giảm 1.5% xuống 1,772.8 USD/ounce.
- Giá vàng giảm phiên thứ 5 liên tiếp xuống mức thấp nhất hơn 2 tháng, khi các nhà đầu tư đặt cược nền kinh tế sẽ hồi phục, thúc đẩy đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn Osaka tăng 7.6 JPY tương đương 3% lên 259.6 JPY/kg.
- Giá cao su tại Nhật Bản tăng sau cuộc khảo sát cho thấy rằng, tâm lý của các nhà sản xuất nước này trong tháng 2/2021 trở nên tích cực hơn – lần đầu tiên – kể từ giữa năm 2019.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn ICE tăng 1.2 US cent tương đương 1% lên 1.274 USD/lb, hồi phục từ mức thấp nhất 1 tháng (1.221 USD/lb) trong phiên ngày 12/2/2021.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn London tăng 1.6% lên 463.5 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE tăng 16.96 US cent tương đương 1.4% lên 16.96 US cent/lb, trước đó trong phiên giá đường thô đạt 17.09 US cent/lb – cao nhất kể từ tháng 4/2017.

	18/2	% 18/2	17/2	% 17/2	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1174.38	1.61%	1155.78	3.66%	5.59%	-1.50%
S&P 500			3931.33	-0.03%	0.51%	3.58%
HĐTL S&P500	3915.00	-0.33%	3928.00	0.01%	0.31%	4.06%
Shang- hai	3675.36	0.55%	3655.09	1.43%	4.95%	1.86%
Euro Stoxx	3710.98	0.30%	3699.85	-0.71%	1.07%	3.21%

Phân tích kỹ thuật

SSI_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: SSI đang ở trong trạng thái tăng giá sau nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn về vùng giá 26. Thanh khoản cao trong phiên hôm nay cùng với việc giá cổ phiếu đi ngang là cơ hội tốt để mua vào. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Thêm vào đó chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua cùng với đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu sẽ tiếp tục củng cố đà tăng. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của SSI nằm tại khu vực xung quanh 29-30. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu trong dài hạn nằm tại mức 49.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 29.7 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

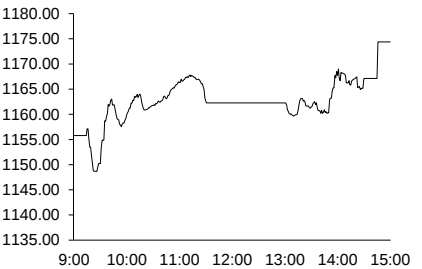
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-2.81%
Dịch vụ tài chính	-0.62%
Viễn thông	0.00%
Công nghệ Thông tin	0.01%
Du lịch và Giải trí	0.05%
Tài nguyên Cơ bản	0.19%
Bảo hiểm	0.41%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.49%
Ngân hàng	0.60%
Bán lẻ	0.63%
Xây dựng và Vật liệu	0.68%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.71%
Bất động sản	0.72%
Y tế	0.78%
Dầu khí	1.45%
Thực phẩm và đồ uống	1.68%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.13%
Ô tô và phụ tùng	3.60%
Hóa chất	5.37%

Hình 1

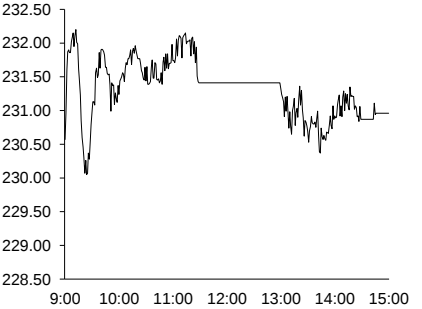
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

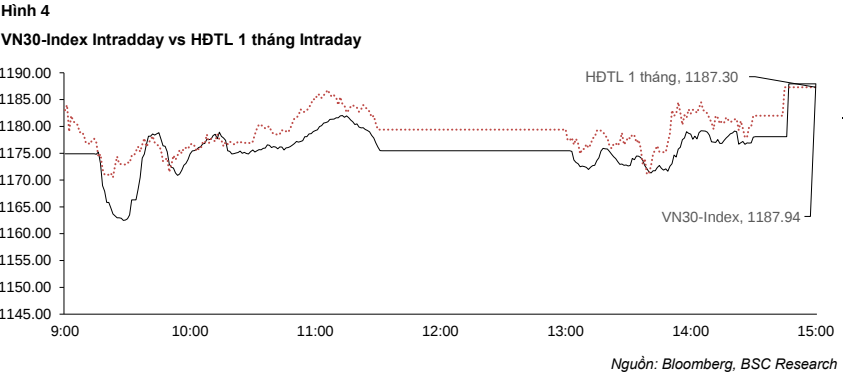
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
2/17/2021	CCL	11.65	14.3	9.9	12.4	1	6.44%	Có thể tiếp tục mua
2/9/2021	REE	54	62.5	50	59.6	9	10.37%	Có thể tiếp tục mua
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	43	9	11.40%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/5/2021	VIB	35.4	43	32.8	37.45	13	5.79%	Có thể tiếp tục mua
2/4/2021	FPT	72.5	82	63.4	78.2	14	7.86%	Có thể tiếp tục mua
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	81.5	15	-1.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/2/2021	PC1	24.4	28.5	22	26.7	16	9.43%	Có thể tiếp tục mua
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	31.7	17	2.26%	Có thể tiếp tục mua
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.5	22	-1.04%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	17.4	73	2.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/29/2021	HPX	36.35	42.2	32	TP	20	16.09%
1/28/2021	GKM	18.1	19.8	17.3	TP	6	9.39%
1/26/2021	HBC	18.9	22.9	14.7	SL	7	-22.22%
1/25/2021	VSH	19.35	20.7	18.4	SL	3	-4.91%
1/22/2021	CSM	19.6	21.6	17.5	TP	4	10.20%
1/21/2021	HLD	27.5	30.3	25.4	SL	5	-7.64%
1/20/2021	PVT	17.3	22.5	15.4	SL	9	-10.98%
1/19/2021	VRC	11	13.4	8.9	SL	13	-19.09%
1/18/2021	PNJ	83.9	96.5	75.8	SL	11	-9.65%
1/15/2021	VCI	62.3	76.5	58	SL	5	-6.90%
1/14/2021	TCB	35.75	41.5	33.5	SL	6	-6.29%
1/13/2021	HVN	31.1	36	28	SL	7	-9.97%
1/12/2021	SAB	205.5	230	195.5	SL	7	-4.87%
1/11/2021	DRC	24.8	29	22.3	SL	9	-10.08%
1/8/2021	PTB	61.4	69.5	58	TP	18	13.19%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	2	7.02%	-1.42%	5.34%	19
Cổ phiếu đã chốt	109	55	13.07%	-8.14%	5.96%	29

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2102	1187.30	0.91%	-0.64	2.0%	120,131	2/18/2021	0
VN30F2103	1183.00	-0.84%	-4.94	174.5%	51,735	3/18/2021	28
VN30F2106	1184.00	-1.00%	-3.94	54.4%	122	6/17/2021	119
VN30F2109	1184.80	-1.18%	-3.14	-82.6%	100	9/16/2021	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +13.03 điểm, lên 1187.94 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, MSN, TCB, VHM, VCB tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1175 điểm, trước khi tăng mạnh trong phiên ATC lên trên 1185 điểm. Thanh khoản vừa phải, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 1185 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2102, các HDTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2106, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCH2001	5/14/2021	85	4:1	850,300	44.27%	1,400	1,950	16.77%	606	3.22	27,790	22,327	23,500
CVRE2014	5/4/2021	75	1:1	532,300	36.30%	4,600	7,840	7.54%	7,766	1.01	32,100	27,500	34,850
CMWG2017	4/26/2021	67	8:1	354,300	32.97%	2,410	3,950	6.76%	4,080	0.97	127,280	108,000	139,500
CVRE2011	6/11/2021	113	4:1	819,500	36.30%	1,500	1,820	6.43%	1,180	1.54	37,888	31,888	34,850
CMBB2009	4/1/2021	42	2:1	265,300	34.11%	1,700	5,700	5.56%	3,653	1.56	22,400	19,000	26,200
CHPG2010	4/5/2021	46	4:1	449,300	34.47%	1,800	5,190	3.80%	2,741	1.89	32,969	27,079	43,850
CTCB2009	3/30/2021	40	1:1	81,500	36.18%	4,400	16,000	2.56%	17,014	0.94	26,400	22,000	38,900
CTCB2013	5/4/2021	75	1:1	182,500	36.18%	4,700	15,990	2.50%	16,124	0.99	27,700	23,000	38,900
CMWG2015	5/10/2021	81	10:1	313,200	32.97%	1,900	4,100	2.50%	4,063	1.01	119,000	100,000	139,500
CHPG2015	3/1/2021	11	1:1	199,600	34.47%	6,700	26,730	2.22%	17,388	1.54	27,161	21,680	43,850
CMBB2010	6/14/2021	116	1:1	350,000	34.11%	4,600	10,660	1.52%	10,445	1.02	20,600	16,000	26,200
CREE2006	5/10/2021	81	4:1	393,900	27.07%	1,500	4,500	1.12%	4,511	1.00	48,000	42,000	59,600
CTCB2010	4/1/2021	42	2:1	493,500	36.18%	2,000	8,580	1.06%	8,759	0.98	25,500	21,500	38,900
CFPT2016	6/22/2021	124	5:1	566,000	29.30%	2,580	6,000	0.00%	5,802	1.03	62,900	50,000	78,200
CHPG2018	5/14/2021	85	4:1	427,600	34.47%	1,200	4,040	-0.25%	3,550	1.14	34,799	29,999	43,850
CSTB2007	4/27/2021	68	2:1	444,100	41.87%	1,500	3,980	-0.25%	3,873	1.03	13,999	10,999	18,600
CSTB2012	4/1/2021	42	1:1	329,700	41.87%	2,500	5,820	-2.02%	5,675	1.03	15,500	13,000	18,600
CSBT2007	4/27/2021	68	2:1	424,900	43.10%	1,700	4,060	-2.87%	3,758	1.08	18,788	15,495	23,350
CSTB2014	6/14/2021	116	1:1	375,300	41.87%	3,800	7,040	-3.56%	6,816	1.03	15,800	12,000	18,600
Tổng				7,852,800	36.21%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 18/02/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CMSN2013 và CMSN2012 tăng mạnh lần lượt là 28.79% và 22.38%. Giá trị giao dịch giảm -6.19%. CHPG2015 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.15% thị trường.
- CTCB2009, CFPT2010, CVPB2010, CVPB2013, và CMWG2017 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CVPB2013, và CFPT2014 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2010, CMWG2013, và CMSN2010 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	139.5	1.1%	1.0	2,827	9.3	8,654	16.1	4.1	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	87.5	1.2%	1.0	865	3.3	4,727	18.5	3.8	49.0%	21.8%
BVH	Bảo hiểm	61.9	0.0%	1.5	1,998	2.2	2,087	29.7	2.3	28.0%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.9	2.2%	0.5	320	0.1	3,321	9.9	1.1	54.3%	10.8%
VIC	Bất động sản	110.0	1.9%	0.7	16,177	6.7	1,569	70.1	4.7	14.1%	6.7%
VRE	Bất động sản	34.9	3.3%	1.1	3,443	10.5	1,048	33.2	2.7	31.2%	8.5%
VHM	Bất động sản	103.2	2.2%	1.1	14,760	20.0	8,463	12.2	3.9	22.4%	39.1%
DXG	Bất động sản	24.3	-1.0%	1.3	548	8.1	(833)		2.0	35.1%	-6.5%
SSI	Chứng khoán	33.3	-0.7%	1.5	867	21.2	2,093	15.9	2.0	44.6%	13.1%
VCI	Chứng khoán	55.0	-0.9%	1.0	396	1.9	4,662	11.8	2.0	28.1%	17.9%
HCM	Chứng khoán	29.2	-0.7%	1.5	387	5.7	1,738	16.8	2.0	47.6%	12.1%
FPT	Công nghệ	78.2	0.4%	0.9	2,665	7.6	4,122	19.0	3.9	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	65.1	1.1%	0.4	774	0.2	4,812	13.5	3.4	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	90.1	3.7%	1.4	7,498	8.8	4,038	22.3	3.6	2.9%	16.1%
PLX	Dầu khí	56.1	0.7%	1.5	2,973	3.2	631	88.9	3.2	15.4%	4.4%
PVS	Dầu khí	21.8	5.8%	1.6	453	25.2	1,357	16.1	0.9	10.4%	5.4%
BSR	Dầu khí	12.4	0.8%	0.8	1,672	12.6	898	13.8	1.1	41.1%	8.5%
DHG	Dược	100.3	-0.7%	0.3	570	0.1	5,443	18.4	3.7	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	17.4	6.4%	0.7	296	3.0	1,663	10.5	0.8	12.5%	8.6%
DCM	Hóa chất	13.7	6.6%	0.6	314	3.3	1,030	13.3	1.1	2.5%	8.8%
VCB	Ngân hàng	102.0	2.0%	1.1	16,448	7.3	4,974	20.5	3.8	23.7%	20.5%
BID	Ngân hàng	43.4	3.1%	1.3	7,589	4.3	1,775	24.5	2.3	17.3%	9.4%
CTG	Ngân hàng	36.8	0.0%	1.4	5,957	16.0	3,674	10.0	1.6	28.6%	16.9%
VPB	Ngân hàng	41.3	0.4%	1.2	4,408	9.1	4,271	9.7	1.9	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	26.2	1.6%	1.1	3,188	26.3	2,965	8.8	1.5	23.2%	19.2%
ACB	Ngân hàng	29.2	-0.9%	0.9	2,740	7.1	3,557	8.2	1.8	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	63.0	1.6%	0.7	224	0.6	6,386	9.9	2.1	82.1%	21.2%
NTP	Nhựa	36.0	4.0%	0.5	184	0.1	3,797	9.5	1.6	19.0%	17.3%
MSR	Tài nguyên	20.8	6.7%	0.6	994	1.3	356	58.4	1.7	10.1%	2.9%
HPG	Thép	43.9	0.9%	1.1	6,317	40.4	4,056	10.8	2.5	31.0%	25.2%
HSG	Thép	24.9	-2.2%	1.3	481	12.2	3,387	7.4	1.6	10.1%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	109.0	0.3%	0.7	9,905	13.4	4,770	22.9	7.3	57.9%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	192.5	6.1%	0.8	5,367	1.6	7,064	27.3	6.2	63.1%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	95.1	3.4%	0.9	4,857	9.0	1,054	90.2	7.0	32.5%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	23.4	0.0%	1.2	627	3.9	1,114	21.0	1.9	8.0%	6.9%
ACV	Vận tải	71.7	-2.3%	0.8	6,786	0.8	3,450	20.8	4.3	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	131.8	0.6%	1.1	3,002	3.4	132		4.6	19.0%	0.5%
HVN	Vận tải	27.3	0.0%	1.7	1,680	1.0	(7,647)		6.0	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	33.1	1.2%	0.9	434	4.8	1,133	29.2	1.7	38.2%	5.7%
PVT	Vận tải	17.9	2.3%	1.3	252	6.9	1,953	9.2	1.2	13.1%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	82.0	1.0%	1.1	570	1.0	8,545	9.6	3.4	3.5%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.2	0.7%	0.4	686	0.7	1,323	26.6	2.5	6.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.4	-0.6%	0.9	289	0.5	1,613	10.8	1.2	5.9%	11.5%
CTD	Xây dựng	73.2	1.2%	1.0	236	2.5	5,769	12.7	0.7	45.4%	5.2%
CII	Xây dựng	22.6	0.0%	0.4	235	3.3	1,187	19.0	1.1	31.6%	5.8%
REE	Điện	59.6	0.8%	-1.4	801	2.7	5,249	11.4	1.6	49.0%	14.9%
PC1	Điện	26.7	-1.1%	-0.4	222	1.0	2,642	10.1	1.3	13.2%	13.6%
POW	Điện	13.1	0.4%	0.6	1,329	6.7	938	13.9	1.1	7.9%	7.9%
NT2	Điện	22.9	0.0%	0.5	286	0.6	2,095	10.9	1.5	17.6%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	43.0	4.1%	1.1	878	12.6	363	118.3	2.1	20.8%	1.8%
BCM	Khu công nghiệp	59.8	2%	0.9	2,691	0.3			4.0	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	102.00	2.00	1.98	1.69MLN
VHM	103.20	2.18	1.97	4.50MLN
SAB	192.50	6.12	1.90	195500
GVR	27.45	6.81	1.87	3.28MLN
VIC	110.00	1.85	1.81	1.43MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BHN	-0.01	-0.28	7100	1.11MLN
ACB	0.00	-0.14	5.55MLN	607060
VIB	0.00	-0.09	787100	373600
FLC	-0.01	-0.08	30.34MLN	192700
STB	0.00	-0.08	22.50MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	8.88	6.99	0.00	6400.00
TDH	8.12	6.98	0.02	1.54MLN
NVT	5.68	6.97	0.01	58200
VCF	239.50	6.97	0.11	200
PXS	7.08	6.95	0.01	979300

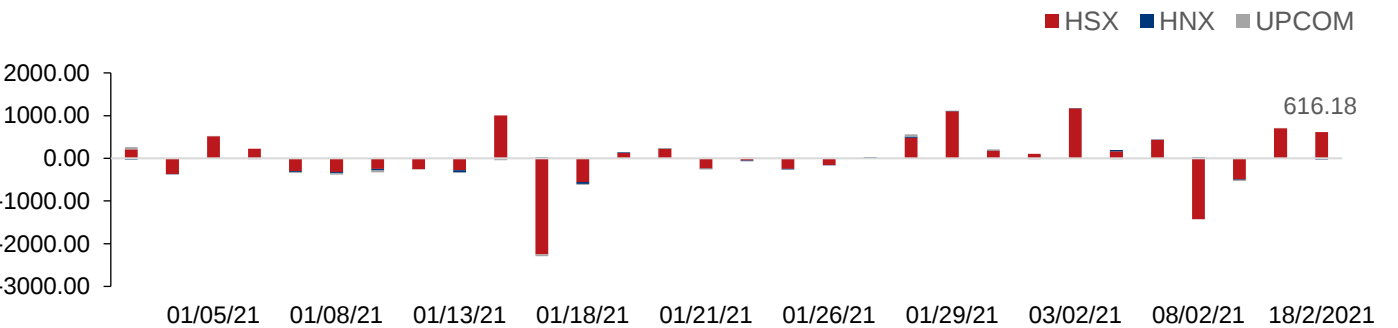
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SC5	21.65	-6.88	-0.01	1400
VPS	14.90	-6.88	-0.01	77300
FLC	6.30	-5.97	-0.08	30.34MLN
BHN	74.00	-5.73	-0.28	7100
SII	17.00	-5.56	-0.02	200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	14.2	1,390	10.2	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	29.2	3,557	8.2	1.8	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	71.7	3,450	20.8	4.3	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	29.9	4,065	7.4	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	36.8	3,674	10.0	1.6	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	53.8	13,724	3.9	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	59.7	5,729	10.4	2.3	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	93.1	5,923	15.7	3.5	Click
9	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	100.3	5,443	18.4	3.7	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	17.4	1,663	10.5	0.8	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	28.7	2,160	13.3	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	24.3	-833		2.0	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	78.2	4,122	19.0	3.9	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.1	1,133	29.2	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.5	6,277	6.6	2.0	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	43.9	4,056	10.8	2.5	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	24.9	3,387	7.4	1.6	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	43.0	363	118.3	2.1	Click
19	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	34.3	2,043	16.8	2.4	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	34.3	2,043	16.8	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	14.7			1.1	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.3	2,528	14.0	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	95.1	1,054	90.2	7.0	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	139.5	8,654	16.1	4.1	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	37.0	2,975	12.4	1.7	Click
26	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	249.9	9,855	25.4	10.3	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	61.9	7,700	8.0	2.6	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.9	1,842	14.6	1.7	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	87.5	4,727	18.5	3.8	Click
30	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	23.4	0	82.5	0.7	Click
31	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	17.9	1,953	9.2	1.2	Click
32	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	39.8	4,313	9.2	1.9	Click
33	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	192.5	7,064	27.3	6.2	Click
34	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	23.4	1,114	21.0	1.9	Click
35	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	40.2	1,861	21.6	3.2	Click
36	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	38.9	3,521	11.0	1.8	Click
37	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	102.0	4,974	20.5	3.8	Click
38	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	44.2	4,239	10.4	2.2	Click
39	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	18.2	563	32.3	1.5	Click
40	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	39.5	3,873	10.2	1.4	Click
41	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	109.0	4,770	22.9	7.3	Click
42	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	41.3	4,271	9.7	1.9	Click
43	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	34.9	1,048	33.2	2.7	Click
44	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	98.1	4,105	23.9	8.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
3	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
4	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
5	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
6	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
8	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
9	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
10	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
11	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
13	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
14	Fishery Outlook 2021		x	Click
15	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
16	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
17	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
18	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
19	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
20	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
21	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
23	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
24	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
28	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
29	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
31	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
32	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
33	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
36	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
37	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
40	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639